

Bản án số: 100/2018/HS-PT

Ngày: 02-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 120/2018/TLPT-HS ngày 28 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Trần Văn H, do có kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Ngọc H1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2018/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Họ và tên bị cáo: **Trần Văn H**, sinh năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 194/43/5 đường B, Phường 24, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số 509D, khu phố N, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H2 (chết) và bà Ngô Thị T, sinh năm 1954; bị cáo có vợ tên Cao Thụy Thu D, sinh năm 1976 và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2018 đến ngày 14/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt.

Bị hại có kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số 129/5, đường số 5, Phường MB, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Tổ 42, khu phố 3, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Thanh P và ông Võ Hồng P1, tuy nhiên những người này không kháng cáo và Viện Kiểm sát không kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn H có vợ là Cao Thụy Thu D kinh doanh quần áo tại đường Đ thuộc khu phố C, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ngày 19/8/2017, trong lúc bán hàng, giữa H và bà D có xảy ra mâu thuẫn với bà Trần Thị T1 (tên gọi khác: T2) và Trần Thị Thu V là người kinh doanh quần áo gần đó trong việc cạnh tranh buôn bán.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/8/2017, H đang ngồi tại sạp quần áo của bà D thì bị hai Nguyễn Ngọc H1 (chồng của bà V) đi lại dùng tay đánh nhẹ vào vai của H rồi hỏi về việc xảy ra mâu thuẫn với bà V ngày hôm trước thì giữa ông H1 và H tranh cãi, thách thức đánh nhau nên bà D kêu H đi về. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển số 61C1-239.49 chạy về hướng cầu sắt P, thị xã T thấy 04 người thanh niên (không rõ nhân thân, địa chỉ) đứng bên lề đường trước tiệm bán gạo “TT” nói chuyện với nhau có thái độ như giang hồ nên H dừng xe lại kêu một người trong nhóm ra nói chuyện, H kể lại việc mâu thuẫn với ông H1 và thuê những người này đi đánh ông H1 với giá là 3.000.000 đồng, H thỏa thuận và bàn bạc với những người này rằng khi đến nơi H sẽ đánh ông H1 trước, nếu H bị ai đánh thì những thanh niên này sẽ đánh lại họ. Nhóm 4 người thanh niên này đồng ý và kêu H đứng chờ để đi lấy hung khí. Khoảng 10 phút sau, 01 người thanh niên trong nhóm quay lại chở theo một bao tải màu trắng đựng nhiều hung khí và đưa cho H một thanh sắt dài khoảng 60cm, màu đen, H bỏ vào cốp xe mô tô biển số 61C1-239.49 và đưa số tiền 3.000.000 đồng cho người này. H điều khiển xe mô tô biển số 61C1-239.49 đi trước còn 04 người thanh niên đi trên hai xe mô tô (không rõ biển số xe) chạy theo sau, tất cả cùng đi về chợ đêm L. Khi đến nơi, H dựng xe trước sạp quần áo của bà D rồi lấy 01 thanh sắt từ trong cốp xe mô tô 61C1-239.49, cùng 02 người thanh niên cầm hung khí đi về phía ông H1, mục đích để đánh ông H1. Ông H1 nghe mọi người la lên là có H cùng các đối tượng khác đi đến nên ông H1 bỏ chạy và bị té ngã, sau đó tiếp tục chạy vào phía trong chợ. Cùng lúc này, ông Võ Hồng P1 (em rể của vợ ông H1) bán quần áo gần đó nhìn thấy nhóm của H đi vào chợ, ông P1 nghĩ là H đến đánh ông H1 nên lấy 01 cây gỗ và 01 thanh sắt hình chữ V dài khoảng 0,6m để trên sạp chạy theo phía sau nhóm của H, dùng cây gỗ đánh nhiều cái vào người H và những đối tượng đi cùng H để giải vây cho ông H1; khi chạy qua nhóm của H khoảng 1m, ông P1 bị một vật (không rõ vật gì) và không biết do ai ném trúng vào vùng bụng làm ông P1 bị thương và ngồi xuống đất. Ông H1 khi chạy vào phía trong chợ, lấy 01 thanh kim loại dài khoảng 1,7m chạy lại sạp bán quần áo của bà V thì gặp nhóm của H đang đi xuống nên ông H1 cùng nhóm của H xông vào đánh nhau. Trong lúc đánh nhau, H nhặt 01 viên gạch bê (khoảng ½ viên) trước sạp bán hàng gần đó, cách chỗ ông H1 khoảng 04m, do H đứng hướng đối diện với ông H1 nên đã dùng tay phải ném viên gạch trúng vào trán bên phải ông H1 gây thương tích và té ngã xuống đất. Bà V cùng mọi người dân xung quanh tri hô nên H và những đối tượng trên bỏ chạy còn ông H1 được đưa đi cấp cứu.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 dao tự chế bằng kim loại dài 0,6m, màu nâu xám, tay nắm 0,1m, kim loại vuông; 01 thanh sắt V màu xám đen dài 0,45m; 01 thanh gỗ đẹp, kích thước (01 x 03)cm, dài 0,75m và 01 xe mô tô biển số 61C1-239.49.

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 305/2017/GDPY ngày 18/9/2017 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh Bình Dương xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Nguyễn Ngọc H1 là 27%.

- Cơ chế hình thành vết thương:

+ Vết thương trán phải (4 x 0,4)cm, nứt sọ trán, máu tụ ngoài màng cứng trán giữa, sẹo hướng từ trên xuống, hơi chệch từ trước ra sau, bờ không sắc gọn, khả năng do vật tày tác động gây ra;

+ Vết thương cẳng tay trái (5 x 0,3)cm, hướng từ ngoài vào trong, hơi chệch từ trên xuống, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc tác động gây ra;

+ Vết thương cẳng chân phải (2 x 0,5)cm, bờ không sắc gọn, khả năng do vật tày tác động gây ra;

+ Vết thương mặt trong 1/3 trên cẳng chân trái (4,5 x 0,2)cm, hướng từ trên xuống, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc tác động gây ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2018/HS-ST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 53 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/7/2018).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/7/2018, bị hại ông Nguyễn Ngọc H1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng hình phạt tù cho bị cáo và xem xét vai trò đồng phạm trong vụ án (đơn kháng cáo trong hạn luật định).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án: Kháng cáo của ông H1 là trong thời hạn luật định. Xác định tội danh, điều luật Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo H là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H 2 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo (thời gian thử thách là 5 năm) về tội "Cố ý gây thương tích" là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đã có xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị hại ông H1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng hình phạt tù

đối với bị cáo H, đồng thời xem xét thêm vai trò đồng phạm trong vụ án; tuy nhiên bị hại không cung cấp được tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo và chưa đủ cơ sở để xác định các đồng phạm khác trong vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn H xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai phạm, trở thành công dân tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do có mâu thuẫn với bị hại Nguyễn Ngọc H1 nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/8/2017, bị cáo Trần Văn H đã thuê 04 người thanh niên không rõ nhân thân, lái lịch đến khu vực chợ đêm L thuộc khu phố C, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương và sử dụng thanh sắt, cây dao tự chế bằng kim loại đánh chém và dùng viên gạch ném vào vùng đầu của bị hại H1, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho bị hại H1 là 27% (theo Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 305/2017/GDPY ngày 18/9/2017 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Dương).

[2] Hành vi của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm sức khỏe và đe dọa đến tính mạng người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nhất là gây tổn hại sức khỏe cho bị hại. Về nhận thức, bị cáo H biết hành vi cố ý gây thương tích là trái pháp luật, bị Nhà nước cấm nhưng vì mâu thuẫn nhỏ nhất với bị hại mà bị cáo cố tình thực hiện tội phạm, xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả gây ra cho xã hội.

[3] Theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì:

"2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm".

Theo quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì:

"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này."

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H phạm tội "Cố ý gây thương tích" là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tuy nhiên, đối chiếu với quy

định vừa viện dẫn ở trên và quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc hướng dẫn xét xử đối với các vụ án xảy ra trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực thì việc áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi hơn cho người phạm tội trong vụ án này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giải quyết vụ án là có sai sót. Hội đồng xét xử sẽ điều chỉnh Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 sang Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị hại ông H1 thấy rằng:

Ông H1 yêu cầu Tòa án xem xét vai trò đồng phạm trong vụ án, tuy nhiên theo kết quả điều tra và lời khai của bị cáo H thể hiện bị cáo H không quen biết nhóm thanh niên do bị cáo H thuê để đánh ông H1, không biết rõ nhân thân, lai lịch những người này nên cơ quan có thẩm quyền chưa có cơ sở để xử lý; cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau, do đó ông H1 yêu cầu xem xét vai trò đồng phạm trong vụ án là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

Ông H1 kháng cáo yêu cầu Tòa án áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông H1 đã có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cho bị cáo H hưởng án treo; tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1 cũng thừa nhận quá trình làm việc tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, ông H1 đã có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và xin cho bị cáo hưởng án treo là đúng ý chí của ông H1, không bị ai ép buộc; đồng thời ông H1 không cung cấp được tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mới cho bị cáo theo quy định của pháp luật. Xét thấy, bị cáo H có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, bị cáo đầu thú; bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại có đơn xin bãi nại và xin cho bị cáo hưởng án treo; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo H còn có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này thì bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và căn cứ vào nhân thân của bị cáo. Xét thấy, bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Bị cáo H có khả năng tự cải tạo nên việc không cách ly bị cáo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm là phù hợp với quy định của pháp luật về điều kiện được hưởng án treo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H1, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã T. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp

dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là không đúng với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử điều chỉnh sang Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho phù hợp, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Án phí hình sự phúc thẩm: Ông H1 không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Ngọc H1; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2018/HS-ST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Trần Văn H.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 17/7/2018.

Giao bị cáo Trần Văn H cho Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Văn H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Văn H phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị hại ông Nguyễn Ngọc H1 không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã T;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Phòng PV27 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Đức